

HỘ CHĂN NUÔI  
NGUYỄN THÀNH DƯ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**của TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**

*Châu Thành, tháng 9 năm 2023*

HỘ CHĂN NUÔI  
NGUYỄN THÀNH DƯ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của **TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**

CHỦ CƠ SỞ  
HỘ CHĂN NUÔI  
NGUYỄN THÀNH DƯ

NGUYỄN THÀNH DƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
LONG VÂN KTP



*Kim Hành*

Châu Thành, tháng 9 năm 2023

**MỤC LỤC**

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC BẢNG .....	iv
DANH MỤC HÌNH .....	iv
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở .....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	6
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	7
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải.....	7
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	10
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	12
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	16
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	21
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	21
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	23

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	23
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	24
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	24
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải .....	25
2. Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực phòng khám .....	25
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ...	28
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm .....	28
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	29
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	31
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	32



**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Diễn giải</b>
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	CTR	Chất thải rắn
13	CTNH	Chất thải nguy hại

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. Hạng mục công trình tại Cơ sở .....	2
Bảng 2. Nhu cầu về thức ăn.....	4
Bảng 3. Danh mục hóa chất vệ sinh, sát trùng sử dụng tại Cơ sở .....	5
Bảng 4. Nhu cầu nước uống cho heo thịt hàng ngày.....	6
Bảng 5. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường.....	6
Bảng 6. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ ) .....	9
Bảng 7. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt .....	9
Bảng 8. Bảng tính tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ ).....	9
Bảng 9. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh nội đồng.....	10
Bảng 10. Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt .....	18
Bảng 11. Khối lượng phân thải phát sinh tại Cơ sở.....	19
Bảng 12. Khối lượng chất thải nguy hại .....	20
Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý .....	23
Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý .....	25
Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải.....	25
Bảng 16. Kết quả quan trắc không khí xung quanh.....	26
Bảng 17. Kết quả quan trắc không khí xung quanh (tt).....	27
Bảng 18. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	30

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1. Sơ đồ vị trí Trang trại heo Thành Tâm.....	1
Hình 2. Quy trình chăn nuôi heo thịt.....	3
Hình 3. Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt .....	13
Hình 4. Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại.....	13
Hình 5. Mô hình hầm biogas .....	15
Hình 6. Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi .....	15
Hình 7. Khu vực chuồng nuôi và xung quanh chuồng nuôi .....	17
Hình 8. Sơ đồ vị trí xả nước thải .....	24

## **Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: **HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THÀNH DƯ**
- Địa chỉ văn phòng: số 162B, đường Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Nguyễn Thành Dư;  
Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh
- Điện thoại: 0393311522

### **2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: **TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**
  - Địa điểm cơ sở: thửa đất số 786, 792, tờ bản đồ số 48, tại ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tờ cận tiếp giáp như sau:
    - + Hướng Đông tiếp giáp: Quốc Lộ 53
    - + Hướng Tây tiếp giáp: Kênh nội đồng
    - + Hướng Nam tiếp giáp: đất ruộng
    - + Hướng Bắc tiếp giáp: đất ruộng
- Vị trí hoạt động của Cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau (ảnh vệ tinh):



*Hình 1. Sơ đồ vị trí Trang trại heo Thành Tâm*

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

- Trang trại heo Thành Tâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 11/XN-UBND ngày 12/6/2020.

- Quy mô của cơ sở:

+ Căn cứ mục 16 Phụ lục II, mục 1 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy mô hoạt động của cơ sở (56 đơn vị vật nuôi), thì dự án thuộc Nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 thì dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

- Công suất hoạt động của Trang trại heo Thành Tâm: quy mô 350 con heo thịt cung cấp cho thị trường.

- Nhân sự làm việc tại Trang trại heo Thành Tâm: 02 người

- Quy mô: Tổng diện tích của cơ sở khoảng 13.892 m<sup>2</sup>, được phân chia theo từng khu vực, cụ thể như sau:

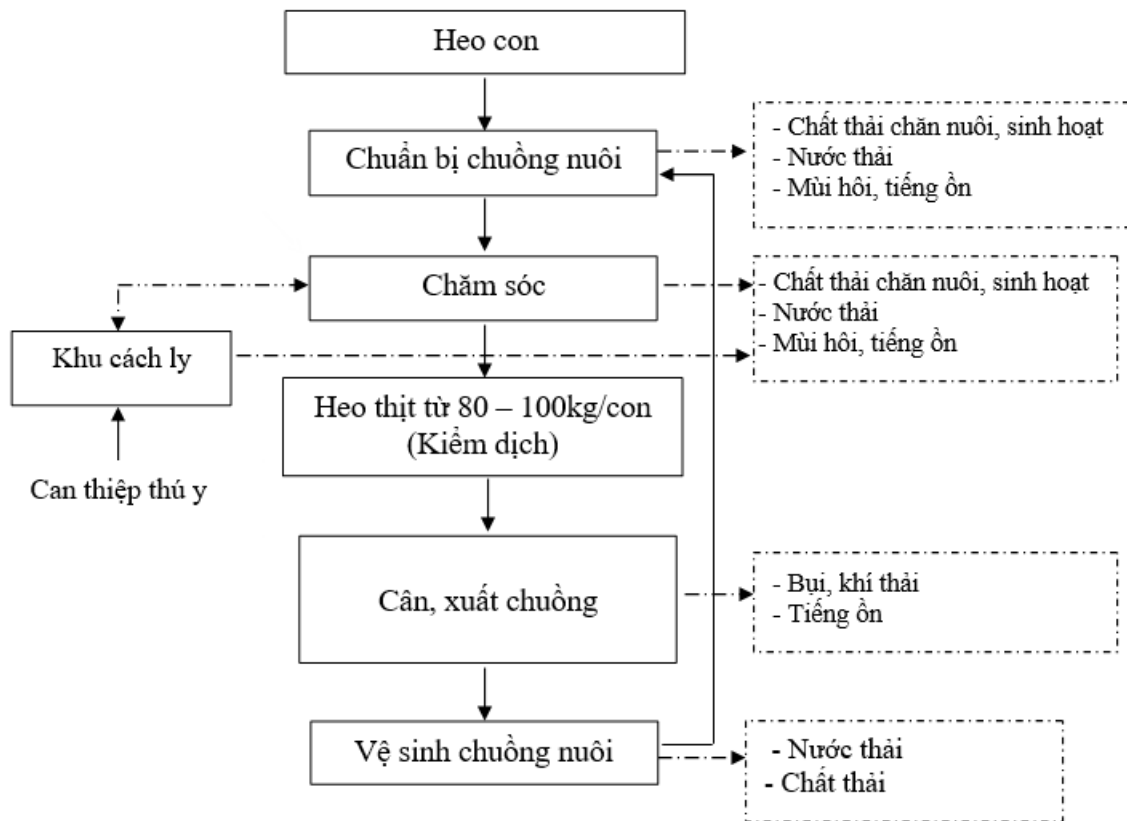
*Bảng 1. Hạng mục công trình tại Cơ sở*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
1	Diện tích chuồng trại (chia thành 02 dãy chuồng)	600
2	Hầm Biogas (loại hầm 03 ngăn)	540
3	Ao lắng	1.350
4	Nhà ở, kho	100
5	Sân đường nội bộ, đất trồng, đất trồng cây,....	9.892
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.892</b>

*Nguồn: Trang trại heo Thành Tâm, 2023*

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Quy trình chăn nuôi heo thịt tại Trang trại heo Thành Tâm được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 2. Quy trình chăn nuôi heo thịt

**\* Thuyết minh quy trình**

Chuẩn bị con giống: Heo con được thu mua từ các hộ chăn nuôi trong và ngoài khu vực huyện Châu Thành, mỗi lứa khoảng 350 con.

Chuẩn bị chuồng nuôi: Đảm bảo sạch sẽ và không phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh chuồng nuôi.

Chăm sóc khẩu phần ăn: Ở công đoạn này, cung cấp thức ăn cần đảm bảo các yêu cầu:

+ Cho heo ăn đúng với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn: Tránh thiếu thức ăn gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển của đàn vật nuôi, thừa thức ăn gây tổn thất về mặt kinh tế và phát sinh các chất thải gây ô nhiễm môi trường

+ Cho heo ăn từng đợt, bố trí máng ăn trong từng ngăn nhằm đảm bảo thức ăn không bị rơi vãi, kiểm soát được lượng thức ăn tiêu thụ hàng ngày.

+ Tập cho heo ăn có phản xạ có điều kiện về giờ giấc cho ăn để nâng cao khả năng tiêu hóa.

+ Không thay đổi khẩu phần ăn một cách đột ngột

+ Tiêu chuẩn ăn phải thay đổi từng tuần

+ Nước uống cho heo uống thỏa mãn nhu cầu.

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

+ Vừa cho heo ăn vừa theo dõi tình trạng sức khỏe của đàn heo: Theo dõi và ghi chép các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong quá trình nuôi để tính toán hiệu quả của từng giai đoạn, đồng thời có thể điều khiển tốc độ sinh trưởng thông qua nuôi dưỡng và chăm sóc.

***Vệ sinh thú y:*** Chuồng trại được xây dựng kiên cố, mái lợp tole, nền trát xi măng, đảm bảo khu vực chăn nuôi được thông thoáng, nền chuồng luôn khô ráo, có độ dốc thoát nước tốt, tránh trơn trượt hoặc gồ ghề, hạn chế chất thải tồn đọng trong khu vực nuôi.

+ Chế độ vệ sinh: Chuồng trại được vệ sinh định kỳ 02 lần/ngày.

***Kiểm dịch và xuất chuồng:*** Khi heo đạt trọng lượng từ 80 đến 100 kg/con sẽ được xuất chuồng. Trước khi xuất chuồng, heo sẽ được kiểm tra dịch bệnh lại trước khi được cung cấp ra thị trường.

***Vệ sinh chuồng nuôi:*** Trại chăn nuôi sẽ được tiến hành phun thuốc khử trùng định kỳ theo đúng quy định, cụ thể bên trong chuồng nuôi 1 tuần/1 lần, bên ngoài chuồng 2 tuần/1 lần, bên cạnh đó, việc phát quang cây bụi, vệ sinh hệ thống mương dẫn, cống rãnh sẽ được định kỳ 1 tháng/1 lần.

### ***3.3. Sản phẩm của cơ sở***

Trang trại heo Thành Tâm chăn nuôi theo mô hình trại lạnh, sản phẩm chủ yếu của cơ sở là heo thịt thương phẩm.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

### ***4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất***

- Nhu cầu về thức ăn trong suốt quá trình nuôi heo thịt được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 2. Nhu cầu về thức ăn*

<b>Stt</b>	<b>Giai đoạn</b>	<b>1 con heo/1 ngày</b>	<b>350 con heo/ngày</b>
1	Heo từ 7 kg - 17 kg	0,2 kg - 0,9 kg	70 – 315 kg/ngày
2	Heo từ 18 kg - 30 kg	1,0 kg - 1,5 kg	350 – 525 kg/ngày
3	Heo từ 31 kg - 60 kg	1,5 kg - 2,1 kg	525 – 735 kg/ngày
4	Heo từ 61 kg đến khi xuất chuồng	2,3 kg	805 kg/ngày

*Nguồn: Trang trại heo Thành Tâm, 2023*

- Nhu cầu về thuốc thú y và vaccine: Số lượng và chủng loại vaccine tiêm ngừa cho đàn heo của Cơ sở là loại được phép lưu hành theo quy định của Bộ



## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể các loại thuốc và vaccine sử dụng cho Cơ sở như sau:

- + Vaccine FMD: Phòng chống bệnh lở mồm long móng
- + Vaccine SfV: phòng chống dịch tả heo
- + Vaccine tụ huyết trùng
- + Vaccine truyền nhiễm – hô hấp
- + Vaccine ngừa bệnh heo tai xanh

- Nhu cầu về hóa chất sát trùng, vệ sinh chuồng trại: Các loại hóa chất tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải được chủ dự án sử dụng là loại được phép lưu hành theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể như sau:

*Bảng 3. Danh mục hóa chất vệ sinh, sát trùng sử dụng tại Cơ sở*

<b>Stt</b>	<b>Tên hóa chất</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng/lứa</b>
1	Clamoxyl LA 200 ml	Bình	10
2	Clamoxyl LA 250 ml	Bình	4
3	Disinfectant 5l	Can 5 lít	4
4	Disinfectant 1l	Can 1 lít	1
5	Tylan 40 Sulfate G 22,5 kg	Bao	35

*Nguồn: Trang trại heo Thành Tâm, 2023*

### ***4.2. Phế liệu***

- Các loại phế liệu phát sinh tại Trang trại heo Thành Tâm chỉ bao gồm: bao bì chứa thức ăn chăn nuôi, thùng carton chứa thuốc thú y (không dính thành phần nguy hại)

- Khối lượng phát sinh: trung bình 10 - 15 kg/tháng.

### ***4.3. Điện năng***

- Nguồn cung cấp điện: mạng lưới điện nông thôn
- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 500 - 550 kWh/tháng.
- Mục đích sử dụng: hệ thống đèn thả sáng khu vực chăn nuôi.

### ***4.4. Nhu cầu sử dụng nước***

#### ***a) Nước cấp sinh hoạt***

Theo QCVN 01:2021/BXD, bình quân mỗi người sử dụng khoảng 80

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

lít/ngày. Như vậy, với số lượng công nhân là 02 người, thì lưu lượng nước tiêu thụ ước tính khoảng 160 lít/ngày.

### *b) Nước cấp cho chăn nuôi*

Nhu cầu sử dụng nước cho heo thịt uống được thể hiện như sau:

*Bảng 4. Nhu cầu nước uống cho heo thịt hàng ngày*

<b>Stt</b>	<b>Trọng lượng heo (kg)</b>	<b>Nhu cầu uống nước hàng ngày 1 con heo (lít)</b>	<b>Nhu cầu uống nước hàng ngày 350 con heo (lít)</b>
1	Heo từ 7 - 17 kg	1,0 - 1,5	350 - 525
2	Heo từ 18 - 30 kg	1,5 - 2,0	525 - 700
3	Heo từ 31 - 60 kg	2,0 - 5,0	700 – 1.750
4	Heo từ 61 kg đến khi xuất chuồng	6,0	2.100

*Nguồn: Trang trại heo Thành Tâm, 2023*

- Nước vệ sinh chuồng nuôi, vệ sinh thiết bị chuồng nuôi: Ước tính khoảng 01,5 m<sup>3</sup>/ngày.

### **5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

Theo quy mô hoạt động hiện nay của Trang trại heo Thành Tâm và nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 11/XN-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, quy mô hoạt động của cơ sở có một số thay đổi như sau:

*Bảng 5. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường*

<b>STT</b>	<b>Các nội dung</b>	<b>Theo kế hoạch BVMT</b>	<b>Hiện trạng</b>
1	Quy mô chăn nuôi	350 heo thịt, 100 heo nái	350 heo thịt
2	Diện tích chuồng trại (chia thành 02 dãy chuồng)	700 m <sup>2</sup>	600 m <sup>2</sup>
3	Hầm Biogas (loại hầm 03 ngăn)	100 m <sup>2</sup>	540 m <sup>2</sup>
4	Ao lắng	3.000 m <sup>2</sup>	1.350 m <sup>2</sup>
5	Sân đường nội bộ, đất trồng, đất trồng cây,....	9.992 m <sup>2</sup>	9.892 m <sup>2</sup>

*Nguồn: Trang trại heo Thành Tâm, 2023*



## **Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Do hiện trạng tại khu vực thực hiện dự đầu tư Trang trại heo Thành Tâm chưa có quy hoạch phân vùng môi trường, nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có đủ cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, để đảm bảo công tác BVMT trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động của Cơ sở. Chủ Cơ sở phải thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, xử lý các loại chất thải, đặc biệt là biện pháp xử lý mùi hôi theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, vị trí thực hiện Trang trại heo Thành Tâm đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Hảo thống nhất về vị trí, địa điểm thực hiện đủ điều kiện theo quy định, các hộ dân xung quanh đều thống nhất ý kiến đồng ý quá trình hoạt động chăn nuôi tại cơ sở (*đính kèm báo cáo Biên bản khảo sát vị trí, địa điểm xây dựng trại chăn nuôi heo của ông Nguyễn Thành Dư trên địa bàn xã Phước Hảo, ngày 14/11/2019; Biên bản tham vấn các hộ dân xung quanh khu vực dự án, ngày 18/5/2020*);

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

#### ***2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải***

Trong quá trình hoạt động của Trang trại heo Thành Tâm có phát sinh nước thải chăn nuôi và hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở.

Căn cứ theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải, cụ thể như sau:

- Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 của

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận nước thải: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt kênh nội đồng dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Xác định thông số đánh giá: Căn cứ theo khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 62-MT:2016/BTNMT thông số đánh giá bao gồm: COD, BOD<sub>5</sub>, TSS

+ Xác định phương pháp đánh giá: căn cứ theo điểm a Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và kết quả điều tra/khảo sát thực tế của đơn vị tư vấn, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp.

Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số, đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước của đoạn sông.

Theo Khoản 2 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công thức đánh giá sau:  
 $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$  Trong đó:

•  $L_{tn}$ : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

•  $L_{td}$ : Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;

•  $L_{nn}$ : Tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;

•  $F_s$ : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định. Chọn giá trị  $F_s = 0,8$ .

Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông ( $L_{tn}$ ) Công thức xác định:  $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$  Trong đó:

+  $C_{qc}$ : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub>

+ Q<sub>s</sub>: lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s. Tại thời điểm lập báo cáo chưa có số liệu đo đạc/quan trắc lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất vào mùa kiệt của kênh nội đồng. Do đó, sử dụng số liệu lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất vào mùa kiệt vào khoảng 3 m<sup>3</sup>/s để tính toán.

Như vậy, tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông (L<sub>td</sub>) cụ thể như sau:

*Bảng 6. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L<sub>td</sub>)*

STT	Thông số	C <sub>qc</sub> mg/l	Q <sub>s</sub> m <sup>3</sup> /s	Hệ số thứ nguyên	L <sub>td</sub> (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	15	3	86,4	3.888
2	COD	30	3	86,4	7.776
3	TSS	50	3	86,4	12.960

Tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông (L<sub>nn</sub>): Công thức xác định:  $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$ . Trong đó:

+ C<sub>nn</sub>: Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước sông (01 vị trí lấy mẫu, với tần suất 03 ngày/đợt lấy mẫu), cụ thể như sau:

*Bảng 7. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Giá trị trung bình (ký hiệu: C <sub>nn</sub> )
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	BOD <sub>5</sub>	mg/L	13	14	11	12,67
2	COD	mg/L	27	28	23	26,0
3	TSS	mg/L	41	47	34	40,67

+ Q<sub>s</sub>: lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s. Chọn lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất vào mùa kiệt Q<sub>s</sub> = 3 m<sup>3</sup>/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Như vậy, tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông (L<sub>nn</sub>) cụ thể như sau:

*Bảng 8. Bảng tính tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước*

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm

( $L_{nn}$ )

STT	Thông số	$C_{nn}$ mg/l	$Q_s$ m <sup>3</sup> /s	Hệ số thứ nguyên	$L_{nn}$ (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	12,67	3	86,4	3.284,1
2	COD	26,0	3	86,4	6.739,2
3	TSS	40,67	3	86,4	10.541,7

⇒ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh nội đồng theo phương pháp đánh giá trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 9. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh nội đồng

STT	Thông số	$L_{td}$	$L_{nn}$	$F_s$	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$
1	BOD <sub>5</sub>	3.888	3.284,1	0,8	1.260,72
2	COD	7.776	6.739,2	0,8	2.384,64
3	TSS	12.960	10.541,7	0,8	4.526,64

➔ Như vậy, theo kết quả tính toán khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh nội đồng theo phương pháp đánh giá trực tiếp cho thấy: 03/03 thông số đánh giá đều còn khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở (đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT).

### 2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp.

Tuy nhiên, có phát sinh mùi hôi từ quá trình phân hủy chất thải chăn nuôi. Do đó, nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, quản lý các loại chất thải chăn nuôi này sẽ gây các tác động nhất định đến môi trường không khí và công nhân viên làm việc tại cơ sở, có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường không khí và dân cư lân cận.

Nhằm có cơ sở đánh giá và dự báo các tác động đến chất lượng môi trường không khí, chủ cơ sở phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh cơ sở, kết quả như sau:

+ Theo kết quả quan trắc tại 02 vị trí vào 03 đợt quan trắc cho thấy, tất cả các thông số ô nhiễm đều rất thấp so với giá trị cho phép tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

+ Như vậy, tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

---

Trang trại heo Thành Tâm chưa phát hiện dấu hiệu ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động chăn nuôi tại cơ sở.

*(đính kèm phụ lục Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại Khu vực chuồng trại (Cách 50m theo hướng gió chính) và tại Hộ dân gần nhất)*

### **Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

##### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

- Bố trí hệ thống máng thu nước mưa trên mái nhà, nhằm đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm do chảy tràn vào khu vực chuồng nuôi, tiếp xúc với chất thải chăn nuôi.

- Nước mưa một phần được thấm vào nền đất tự nhiên, một phần được chảy tràn ra các ao trong khuôn viên.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:

+ Bố trí nhân viên thực hiện vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ.

+ Quá trình tập kết nguyên vật liệu phục vụ chăn nuôi hạn chế thực hiện khi thời tiết có mưa.

##### **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

- Trong khu vực chuồng nuôi: Rãnh thoát nước có kích thước (rộng 0,9m × sâu 0,3m), độ dốc của rãnh 05 - 08%. Ngoài việc là hố tắm cho heo thì đây còn là rãnh thoát nước thải và phân heo, định kỳ sẽ được thay nước 2 lần/ngày tùy theo mật độ vệ sinh của heo.

- Hệ thống đường ống thu gom nước thải chăn nuôi tại cơ sở được bố trí, xây dựng với các thông số kỹ thuật sau: Hệ thống cống thu gom nước thải bằng ống nhựa PVC Φ 140. Cao trình của hệ thống cống thu gom nước thải hạ dần cao độ theo hướng tập trung về hầm biogas, nhằm đảm bảo khả năng tự chảy của dòng thải.

- Hệ thống đường ống thoát nước thải sau xử lý: ống nhựa PVC Φ 114

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh nội đồng

- Phương thức xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận: tự chảy.

- Vị trí xả thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>30, múi chiếu 3<sup>o</sup>):

+ Tọa độ X = 1092 070

+ Tọa độ Y = 598 034

##### **1.3. Xử lý nước thải**

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và vận hành tại Trang trại heo Thành Tâm bao gồm:

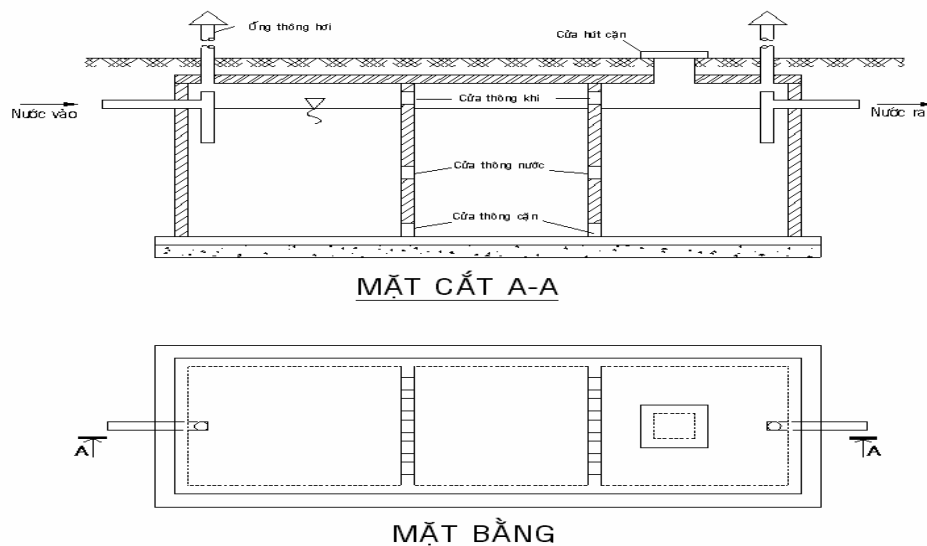
## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

- + Hàm tự hoại 03 ngăn: xử lý nước thải sinh hoạt
- + Hàm biogas: xử lý nước thải chăn nuôi

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng tại Trang trại heo Thành Tâm cụ thể như sau:

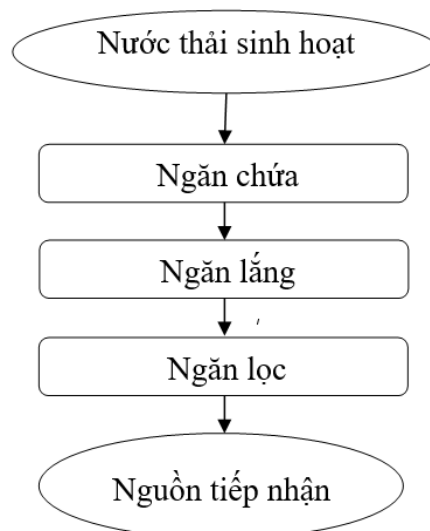
### *a) Hàm tự hoại 3 ngăn*

- Công trình đã được xây dựng, lắp đặt: Hàm tự hoại 3 ngăn.
- Thể tích hàm tự hoại:  $6 \text{ m}^3$  (dài x rộng x sâu =  $2\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m}$ ). Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt được thể hiện trong sơ đồ sau:



*Hình 3. Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt*

- Chức năng: Xử lý nước thải sinh hoạt.
- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:



*Hình 4. Quy trình xử lý nước thải của hàm tự hoại*



*\* Thuyết minh quy trình:*

+ Ngăn chứa và phân hủy kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm  $\frac{1}{2}$  tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

Nước thải sau xử lý được dẫn thải ra kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở

*b) Công trình xử lý nước thải chăn nuôi*

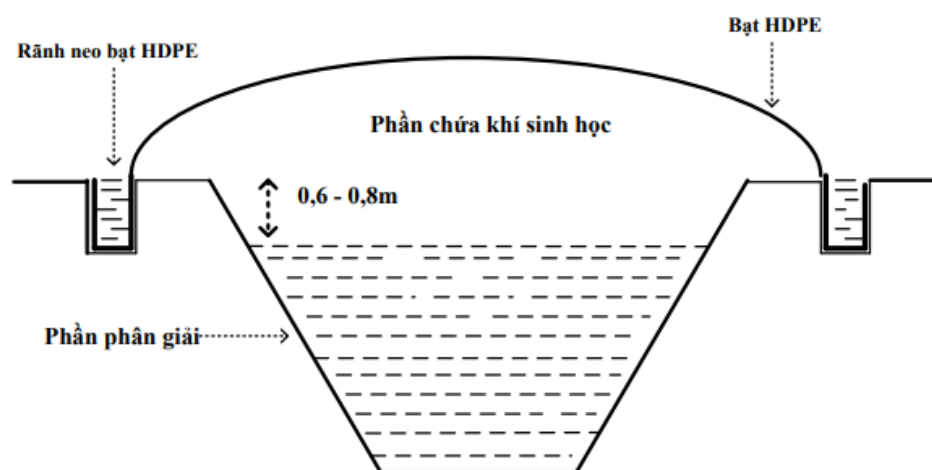
- Chức năng: Xử lý nước thải chăn nuôi, đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$  trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Công nghệ xử lý: giải pháp xử lý bằng hầm ủ biogas. Đây là giải pháp xử lý hiệu quả, vừa xử lý được nước thải chăn nuôi, vừa tận dụng được khí sinh học. Xử lý nước thải bằng hầm biogas giúp loại bỏ được hàm lượng TSS và COD dao động trong khoảng 84,5 - 86,7%, chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ .

- Công suất:

+ Hầm biogas 3 ngăn thể tích  $540 \text{ m}^3$  (dài x rộng x sâu = 9m x 60m x 1m)

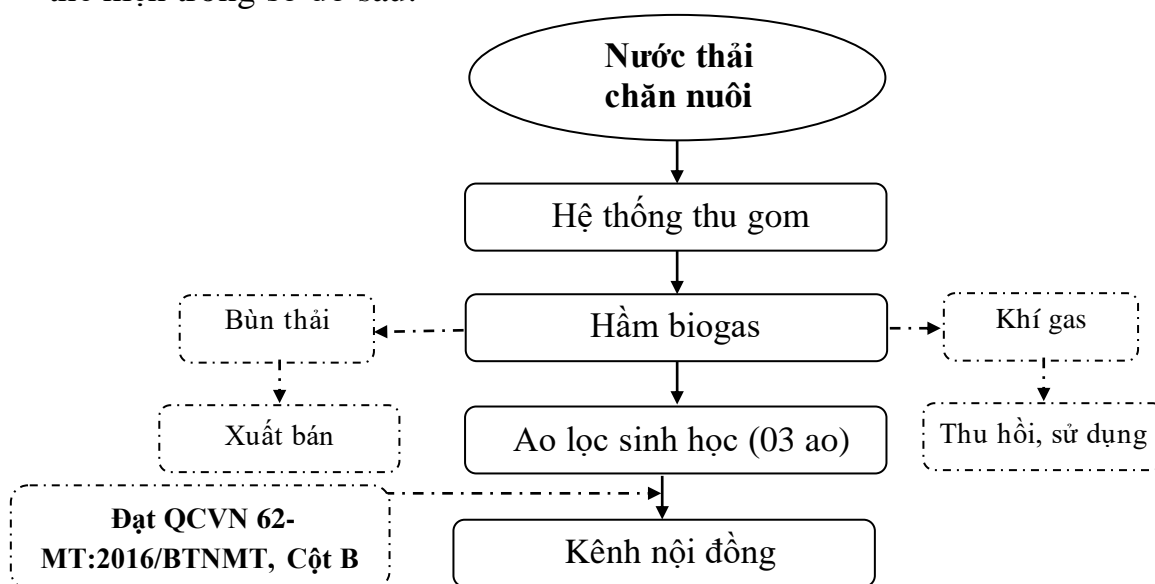




Hình 5. Mô hình hầm biogas

+ Khu vực ao lắng: tổng diện tích 1.350 m<sup>2</sup>, độ sâu trung bình 3,0m. Khu vực ao lắng được bố trí thành 03 ao theo hình zig zắc, nhằm tăng cường khả năng xử lý nước thải.

- Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi tại Trang trại heo Thành Tâm được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 6. Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi

\* Thuyết minh quy trình

- *Mô tả công nghệ xử lý:* Công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi bằng hầm ủ biogas là quá trình xử lý sinh học trong điều kiện yếm khí. Sau đó là quá trình lắng trọng lực để loại bỏ cặn lơ lửng trong nước thải đầu ra của hầm ủ biogas. Nước thải sau đó được đưa về ao sinh học để xử lý những bông cặn còn sót lại trong nước thải bằng thực vật thủy sinh.

- *Mô tả cơ chế xử lý trong hầm ủ biogas:* Bên trong hầm ủ biogas xảy ra quá trình phân hủy yếm khí chất hữu cơ rất phức tạp liên hệ đến hàng trăm phản

ứng và sản phẩm trung gian. Tuy nhiên người ta thường đơn giản hóa chúng bằng phương trình phản ứng sau đây:

Chất hữu cơ:  $\text{CH}_4 + \text{CO}_2 + \text{H}_2 + \text{NH}_3 + \text{H}_2\text{S}$  (lên men yếm khí)

Phản ứng lên men yếm khí trong hầm ủ biogas chia thành 3 giai đoạn chính như sau: Phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử; Tạo nên các axit; Tạo methane.

*\* Thuyết minh quy trình xử lý bằng hầm ủ biogas:*

Nước thải từ chuồng trại (bao gồm nước thải vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của heo và phân thải được thu gom trực tiếp về hầm biogas). Tại hầm ủ biogas sẽ xảy ra quá trình phân hủy yếm khí các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải theo như cơ chế bên trên.

Quá trình phân hủy bên trong hầm biogas sẽ phát sinh ra khí  $\text{CO}_2$ ,  $\text{CH}_4$  và các khí khác sẽ được thu tại nắp hầm ủ và được tận dụng trong hoạt động của cơ sở. Phần cặn được lưu giữ lại trong hầm và phần nước được thoát ra bằng cửa xả của hầm ủ biogas.

Nước thải sau hầm biogas được dẫn vào ao lọc sinh học. Tại cụm ao sinh học được bố trí các loại thực vật thủy sinh có khả năng xử lý các chất hữu cơ có trong nước thải như: bèo tây (hoặc lục bình) và cây sậy, đây là các loại thực vật có khả năng xử lý các chất hữu cơ và vi sinh vật có hại còn sót lại trong nước thải sau công đoạn xử lý bằng hầm ủ biogas.

Nước thải sau xử lý được xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng.

- Chế độ vận hành: hoạt động liên tục 24/24 giờ
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: giá trị giới hạn quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ ).

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

*a) Khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi*

- Thiết kế chuồng trại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dọn vệ sinh, tiêu thoát chất thải chăn nuôi;.... Đảm bảo chuồng nuôi được xây kín, bố trí quạt thông gió, đảm bảo môi trường chuồng nuôi thông thoáng nhưng khí thải, mùi hôi không phát tán tự do ra môi trường xung quanh;

- Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, định kỳ 02 lần/ngày, đảm bảo không để nước thải, chất bẩn tù đọng.

- Sử dụng vôi để khử khuẩn cho chuồng trại.

- Ao sinh học được trồng các loại thực vật thủy sinh, hấp thụ các chất ô nhiễm còn sót lại trong nước thải sau quá trình xử lý bằng hầm biogas, nên hạn chế

đến mức thấp nhất mùi hôi phát sinh;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại, nhằm tạo dãy phân cách, hạn chế và giảm thiểu phát tán khí thải, mùi hôi ra môi trường xung quanh, tăng vẻ mỹ quan.



*Hình 7. Khu vực chuồng nuôi và xung quanh chuồng nuôi*

*b) Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông*

- Không chuyên chở quá tải trọng quy định, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, thường xuyên tưới nước và vệ sinh hệ thống đường nội bộ.

- Tất cả các phương tiện chuyên dùng, xe vận tải,... phải đảm bảo yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Kiểm tra, bảo trì và sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển, nhằm đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt, qua đó đảm bảo được các vấn đề về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại Cơ sở.

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên cơ sở nhằm tạo mỹ quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

### **3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Công trình lưu trữ**

##### *a) Chất thải rắn sinh hoạt*

- Bố trí thùng chứa rác tại các khu vực phát sinh chất thải như: Khu vực sinh hoạt của công nhân, nhà vệ sinh, ...

- Bố trí nhân viên thu gom và tập kết chất thải vào thùng rác công cộng. Tần suất thực hiện: 01 lần/ngày.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân viên trong công tác bảo vệ môi trường như: Không vứt rác bừa bãi trong khuôn viên cơ sở và ra khu vực xung quanh.

##### *b) Chất thải chăn nuôi*

- Bao bì thức ăn, thuốc thú y: Các bao chứa thức ăn sau khi sử dụng, bao bì carton chứa thuốc thú y (vỏ hộp bên ngoài) được thu gom và cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Tuyên truyền, tập huấn cho công nhân về phương pháp thu gom rác thải, phân biệt giữa chất thải thông thường và nguy hại (đặc biệt là chất thải thú y) để thực hiện đúng biện pháp quản lý và xử lý.

- Phân gia súc (phân heo): được thu gom và xử lý bằng hầm biogas.

- Phần bùn thải từ hầm biogas định kỳ được thu gom và xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón trong vùng. Tần suất thực hiện: 01 lần/vụ nuôi.

#### **3.2. Chứng loại, khối lượng**

##### *a) Chất thải rắn sinh hoạt*

Thành phần chất thải: thành phần chất thải rắn sinh hoạt được liệt kê trong bảng sau:

*Bảng 10. Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt*

<b>STT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Các chất hữu cơ dễ phân hủy	40 - 60
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35
3	Các chất dễ cháy như giấy, carton	10 - 14
4	Kim loại	1 - 2
5	Các chất khác	3 - 4

*Nguồn: Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn - NXB Xây dựng, năm 2010*



## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

- Khối lượng phát sinh: trung bình từ 0,5 kg/ngày

*b) Chất thải chăn nuôi*

*b.1) Phân gia súc*

Căn cứ vào giai đoạn sinh trưởng của heo và chu kỳ nuôi tại Cơ sở, có thể tính toán được lượng phân heo phát sinh tại Cơ sở như sau:

*Bảng 11. Khối lượng phân thải phát sinh tại Cơ sở*

<b>Stt</b>	<b>Loại gia súc</b>	<b>Tháng 01 (kg/ngày)</b>	<b>Tháng 02 (kg/ngày)</b>	<b>Tháng 3 (kg/ngày)</b>	<b>Tháng 4 (kg/ngày)</b>	<b>Tháng 5 (kg/ngày)</b>
1	Heo <10 kg	108 - 175				
2	Heo từ 11 - 45 kg		175 - 350	350 - 525		
3	Heo từ 46 - 100 kg				612 - 1.020	1.020 - 1.225

*b.2) Bao bì thức ăn, vỏ hộp thuốc thú y*

- Bao bì thức ăn: Quá trình chăn nuôi tại Cơ sở chỉ sử dụng thức ăn là cám dạng hạt và không ăn các loại thức ăn khác nên nguồn phát sinh loại chất thải này chỉ gồm bao bì, thành phần chủ yếu là sợi tổng hợp, bao nhựa dẻo, có ít bụi cám còn thừa trong bao. Bao bì chứa thức ăn phát sinh có khối lượng khoảng 10 - 15 kg/tháng.

- Vỏ hộp thuốc thú y: Lượng chất thải này phát sinh không liên tục, khối lượng phát sinh khá ít, khoảng 02 - 03 kg/chu kỳ nuôi.

### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

#### ***4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại***

- Thu gom chất thải nguy hại vào thiết bị lưu chứa chuyên dụng. Thùng chứa chuyên dụng, có kết cấu chịu được va chạm, không bị hư hỏng bởi trọng lượng của CTNH trong quá trình lưu giữ, đảm bảo lưu chứa an toàn CTNH;

- Biện pháp xử lý: Ký kết hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý CTNH để xử lý theo đúng quy định khi khối lượng đủ lớn.

- Thực hiện báo cáo tình hình phát sinh, quản lý và xử lý CTNH vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

- Đối với chất thải nguy hại là vỏ, chai lọ thuốc thú y, kim tiêm đã qua sử dụng sẽ được đại lý thuốc thú y thu hồi ngay sau khi sử dụng.

#### ***4.2. Chứng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh***

Thành phần các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động chăn nuôi của Cơ sở có thể được thống kê trong bảng sau:

*Bảng 12. Khối lượng chất thải nguy hại*

<b>Stt</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng (kg/lúa)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, vỏ chai thuốc thú y, kim tiêm)	Rắn/lỏng	03	13 02 01
2	Bao bì chứa hóa chất khử trùng	Rắn/lỏng	03	15 01 11
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	0,5	16 01 06
<b>Tổng cộng</b>			<b>6,5</b>	

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

### **5.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### *a) Biện pháp giảm thiểu đối với tiếng ồn do vật nuôi*

- Quá trình cho heo ăn, heo uống được thực hiện đảm bảo đúng thời gian trong ngày, đáp ứng đúng và kịp thời nhu cầu thức ăn, thức uống cho heo, do đó heo nuôi không bị đói, nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh;

- Khu vực chuồng trại được xây dựng khép kín, nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên cơ sở, nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu và hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

#### *b) Biện pháp giảm thiểu đối với tiếng ồn do phương tiện vận chuyển*

- Tất cả các phương tiện chuyên dùng, xe vận tải,... phải đảm bảo yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Bố trí thời gian hoạt động xuất/nhập hàng hợp lý: Từ 07h đến 11h và từ 13h đến 17h.

- Kiểm tra, bảo trì và sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển, nhằm đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt, qua đó đảm bảo được các vấn đề về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

### **5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung**

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

- Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về độ rung (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

- Các tuyến cống thu gom nước thải phải được nạo vét, định kỳ, hạn chế sự cố tắc nghẽn do chất rắn lơ lửng, đảm bảo dòng chảy và hoạt động ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Các ao sinh học được nạo vét, thay mới thực vật thủy sinh sau mỗi lứa nuôi, nhằm tăng cường hiệu quả xử lý nước thải tại khu vực này.

- Bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các công trình xử lý nước thải chăn nuôi, nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường tại các khu vực này.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố xảy ra cần phải dừng ngay mọi hoạt động và tiến hành các biện pháp sau:

+ Dừng mọi hoạt động xả thải từ khu chuồng nuôi về công trình xử lý;

+ Tiến hành kiểm tra tổng thể các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố cao để kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố;

+ Đối với hầm biogas bị sự cố, nước thải được lưu chứa trong ao sinh học, và được tuần hoàn về hầm biogas sau khi khắc phục sự cố, nhằm đảm bảo không xả thải ra môi trường nước thải chưa xử lý.

## **7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

### **7.1. Dịch bệnh trên đàn heo**

\* *Biện pháp phòng ngừa*: Căn cứ theo QCVN 01-14:2010/BNNPTNT, Quyết định số 4563/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 và một số văn bản hướng dẫn của Cục Thú Y, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch như sau:

- Nguồn nước và thức ăn:

+ Nguồn thức ăn đảm bảo không chứa các hóa chất, kháng sinh nằm trong danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;

+ Kho chứa thức ăn phải được xây dựng thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng theo quy định.

+ Nguồn nước cấp cho heo phải đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành.

- Yêu cầu về sát trùng: Chuồng nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi,... phải được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo sát trùng triệt để trước khi đưa vào sử dụng theo quy định của ngành thú y;

- Phát hiện, cách ly và điều trị bệnh sớm:
- + Tiến hành theo dõi, khám bệnh và chẩn đoán đàn heo, nhằm phát hiện kịp thời những con có dấu hiệu bị bệnh, để có kế hoạch điều trị kịp thời;
- + Khi heo bệnh cần được đưa sang chuồng cách ly, có biện pháp tiêu độc, tẩy uế chuồng heo bệnh;
- + Sau khi phát hiện và chẩn đoán, cần nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

***Biện pháp ứng phó khi phát sinh dịch bệnh:*** Khi phát hiện dịch bệnh, tùy theo từng giai đoạn phát triển, quy mô và loại dịch bệnh mắc phải, thực hiện các biện pháp ứng phó theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như:

- Khi phát hiện heo có biểu hiện lạ và chết trong khu vực chăn nuôi, tiến hành cách ly đối với đàn heo;
- Thông báo đến các cơ quan chức năng, cơ quan thú y gần nhất, công ty cung cấp giống để kịp thời đề ra các biện pháp tiếp theo;
- Không di chuyển heo có biểu hiện bệnh ra khỏi cơ sở;
- Tiến hành khử trùng khu vực heo bị mắc bệnh hoặc chết, thực hiện tiêm phòng lại cho đàn heo còn lại chưa bị ảnh hưởng;
- Khi heo bị chết hàng loạt, cần phối hợp với các đơn vị thú y, các ngành chức năng để xử lý theo đúng quy định;
- Sau khi khống chế dịch bệnh hoàn toàn, tiến hành giám sát, vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi, để trống chuồng nuôi ít nhất 21 ngày mới tiến hành chăn nuôi lại.
- ***Quy trình chôn lấp hợp vệ sinh vật nuôi bị dịch bệnh:*** Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016

## ***7.2. Sự cố cháy nổ***

- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009;
- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy;
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.



**Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 3 m<sup>3</sup>/ngày-đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng thải là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận nước thải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ ), cụ thể như sau:

*Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý*

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C Cột B	Giá trị C <sub>max</sub>
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	100	117
3	COD	mg/l	300	351
4	TSS	mg/l	150	175,5
5	Tổng nitơ	mg/l	150	175,5
6	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000

\* **Ghi chú:** Giá trị tối đa cho được tính theo công thức:  $C_{max} = C \times K_q \times K_f$  của QCVN 62-MT:2016/BTNMT, trong đó:

- + C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B)
- +  $K_q$ : Hệ số nguồn tiếp nhận nước thải ( $K_q = 0,9$ )
- +  $K_f$ : Hệ số lưu lượng nguồn thải ( $K_f = 1,3$ )
- + Không áp dụng hệ số K cho chỉ tiêu pH, Coliforms

- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải ra Kênh nội đồng (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30, múi chiếu 3<sup>o</sup>)

- + Tọa độ X = 1092 070
- + Tọa độ Y = 598 034

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ven bờ, xả mặt
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng



*Hình 8. Sơ đồ vị trí xả nước thải*

## **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

Quá trình chăn nuôi tại Trang trại heo Thành Tâm không phát sinh khí thải công nghiệp, do đó nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

## **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

Quá trình chăn nuôi tại Trang trại heo Thành Tâm không phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các loại máy móc sản xuất chuyên dụng, do đó nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

**Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc đối với nước thải**

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý, trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (ký hiệu: NT)
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ )
- Kết quả quan trắc:

*Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,3$ )
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
1	pH	--	6,71	6,40	6,58	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	88	97	70	117
3	COD	mg/L	210	252	183	351
4	TSS	mg/L	95	116	79	175,5
5	Tổng Nito	mg/L	45,2	53,1	41,6	175,5
6	Coliform	MPN/100mL	3.400	4.000	3.100	5.000

\* **Nhận xét:** Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sau xử lý có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều rất thấp và đạt giá trị cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ ).

**2. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt**

- Vị trí quan trắc: Kênh nội đồng (nguồn tiếp nhận nước thải) (ký hiệu: NM)
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1
- Kết quả quan trắc:

*Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
1	pH	--	7,25	6,93	7,16	5,5 – 9

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
2	TSS	mg/L	41	47	34	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	13	14	11	15
4	COD	mg/L	27	28	23	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	0,68	0,81	0,60	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	2,32	2,75	2,58	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	0,19	0,26	0,22	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	2.100	2.700	2.400	7.500

- **Nhận xét:** Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều rất thấp và đạt giá trị cho phép quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)

**3. Kết quả quan trắc môi trường không khí**

- Vị trí quan trắc:
  - + Tại Khu vực chuồng trại (Cách 50m theo hướng gió chính) (ký hiệu: K1)
  - + Tại Hộ dân gần nhất (ký hiệu: K2)
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
  - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);
  - + QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- Kết quả quan trắc:

*Bảng 16. Kết quả quan trắc không khí xung quanh*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
1	Tiếng ồn <sup>(1)</sup>	dBA	63,5	67,0	65,3	70
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,17	0,21	0,18	0,3

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/ BTNMT
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
3	H <sub>2</sub> S <sup>(2)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	0,02	0,03	0,02	0,042
4	NH <sub>3</sub> <sup>(2)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	0,08	0,12	0,10	0,2

*Bảng 17. Kết quả quan trắc không khí xung quanh (tt)*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/ BTNMT
			ngày 24/7	ngày 27/7	ngày 31/7	
1	Tiếng ồn <sup>(1)</sup>	dBA	55,9	58,0	54,1	70
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,10	0,13	0,08	0,3
3	H <sub>2</sub> S <sup>(2)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	KPH	KPH	KPH	0,042
4	NH <sub>3</sub> <sup>(2)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	0,02	0,04	0,03	0,2

**\* Ghi chú:**

- Giá trị (1): áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT
- Giá trị (2): áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT;

**\* Nhận xét:** Theo kết quả quan trắc cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều rất thấp và đạt giá trị cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

**Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

- Công trình xử lý chất thải thực hiện vận hành thử nghiệm: các công trình xử lý chất thải đã được xây dựng hoàn thiện tại Trang trại heo Thành Tâm bao gồm:

+ Hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Phòng khám không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

+ Công trình xử lý chất thải chăn nuôi (hàm biogas): Căn cứ theo khoản 2 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 5 điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trang trại heo Thành Tâm thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/10/2023 – 01/01/2024

- Công suất của Công trình xử lý chất thải chăn nuôi (hàm biogas) tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: 3 m<sup>3</sup>/ngày-đêm

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

**a) Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu**

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tối đa	Ghi chú
1	Công trình xử lý chất thải chăn nuôi (hàm biogas)	01/10/2023	01/01/2024	3 m <sup>3</sup> /ngày-đêm	03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định

**b) Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu**

STT	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm	Loại mẫu
1	23/10/2023	Nước thải sau xử lý	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, tổng nitơ và tổng coliform	Mẫu đơn
2	24/10/2023			
3	25/10/2023			



*c) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch*

- Đơn vị dự kiến thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh

- Địa chỉ: 528/5A, Vườn Lài, khu phố 2, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 241 Quyết định số 608/QĐ-BTNMT ngày 30/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Việc quan trắc chất thải phục vụ giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tại Trang trại heo Thành Tâm phải tuân thủ theo đúng Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

### ***2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ***

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Trang trại heo Thành Tâm không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

### ***2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục***

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Trang trại heo Thành Tâm không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### ***2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở***

#### ***a) Quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý***

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý

- Tần suất quan trắc: 12 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng nitơ và tổng coliform

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,3)

#### ***b) Quan trắc chất lượng môi trường không khí***

- Vị trí quan trắc:

## **Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm**

+ 01 mẫu xung quanh khu vực chuồng trại (cách 50m theo hướng gió chính) (ký hiệu: K1)

+ 01 mẫu xung quanh khu vực hầm ủ biogas (cách 50m theo hướng gió chính) (ký hiệu: K2)

- Tần suất quan trắc: 12 tháng/lần

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>3</sub>SH

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

*Bảng 18. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm*

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>I</b>	<b>Nước thải</b>				<b>1.797.545</b>
1	pH	Mẫu	1	62.567	62.567
2	TSS	Mẫu	1	219.403	219.403
3	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	184.232	184.232
4	COD	Mẫu	1	195.775	195.775
5	Tổng nitơ	Mẫu	1	318.725	318.725
6	Coliform	Mẫu	1	816.843	816.843
<b>II</b>	<b>Không khí</b>				<b>4.891.844</b>
1	Tiếng ồn	Mẫu	2	126.862	253.724
2	Tổng bụi lơ lửng	Mẫu	2	262.620	525.240
3	H <sub>2</sub> S	Mẫu	2	514.110	1.028.220
4	NH <sub>3</sub>	Mẫu	2	514.110	1.028.220
5	CH <sub>3</sub> SH	Mẫu	2	514.110	2.056.440
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.689.389</b>



**Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Vào ngày 23/6/2023, Trang trại heo Thành Tâm tiếp Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kết luận của Đoàn kiểm tra chủ yếu bao gồm các nội dung như:

- Lập hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày 01/01/2025.

- Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định đối với trại chăn nuôi heo.

- Tăng cường công tác vệ sinh chuồng trại, hạn chế gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.

- Thực hiện lấy mẫu giám sát môi trường đối với trại chăn nuôi theo đúng quy định.

Ý kiến của chủ Trang trại heo Thành Tâm: Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Đoàn kiểm tra và các quy định về bảo vệ môi trường.

## **Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

- Hộ chăn nuôi Nguyễn Thành Dư cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Trang trại heo Thành Tâm.

- Hộ chăn nuôi Nguyễn Thành Dư cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Trang trại heo Thành Tâm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

+ Đối với nước thải:

▪ Nước thải chăn nuôi: Được xử lý tại công trình xử lý nước thải chăn nuôi (hầm biogas và cụm ao sinh học), nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,3$ ) được xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng.

▪ Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại, sau đó được xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng.

▪ Vận hành hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Trang trại heo Thành Tâm.

▪ Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

▪ Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại):

▪ Thực hiện đầy đủ các biện pháp phân loại và quản lý chất thải tại nguồn;

▪ Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

▪ Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh khí thải, tiếng ồn và độ rung: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung. Đảm bảo môi trường không khí đạt:

▪ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

## ***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại heo Thành Tâm***

---

▪ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và phòng ngừa dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

Số: 11 /XN-UBND

Châu Thành, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN  
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH  
XÁC NHẬN:**

Hộ Nguyễn Thành Dư đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Trang trại heo Thành Tâm tại Ủy ban nhân dân huyện vào ngày 12/6/2020.

Hộ Nguyễn Thành Dư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau: Phải hoàn thành đối với từng công trình quản lý, xử lý chất thải trong trường hợp phải xây dựng, lắp đặt,...theo kế hoạch đã đăng ký.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải (ghi rõ các quy chuẩn với các hệ số lưu lượng, nguồn tiếp nhận, vùng phát thải...); thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

**Nơi nhận:**

- Sở TN&MT;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã Phước Hảo;
- Hộ Nguyễn Thành Dư;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT.



Thạch Chiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN

Khảo sát vị trí, địa điểm xây dựng trại chăn nuôi heo  
của ông Nguyễn Thành Dư trên địa bàn xã Phước Hảo

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 0 phút, ngày 14 tháng 11 năm 2019.

Tại .hồ. Ông. Nguyễn. Thành. Dư.....

Địa chỉ: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Chúng  
tôi gồm:

1. Ông: ...Vũ Văn Hùng..... chức vụ: Trưởng Trạm Chăn Nuôi Thú y
2. Ông: Nguyễn Thuận An..... chức vụ: Trưởng Phòng NN & PTNT huyện
3. Ông: Nguyễn Quốc Hùng..... chức vụ: CT UBND xã
4. Ông: Lê Trường Cường..... chức vụ: Công chức Đảng xã
5. Ông:..... chức vụ:.....
6. Ông:..... chức vụ:.....
7. Ông:..... chức vụ:.....

Tiến hành khảo sát vị trí, địa điểm xây dựng trại chăn nuôi heo của hộ Nguyễn  
Thành Dư với các nội dung như sau:

Vị trí xây dựng trại chăn nuôi heo tại 02 thửa  
đất số: 780, 792 xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.  
Tổng diện tích: 13.892 m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp Hòa Hảo  
xã Phước Hảo huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.  
Vị trí thửa đất:  
+ phía Bắc giáp thửa 782 (tất cả thửa này  
không có nhà ở)  
+ phía Nam giáp thửa 741 (tất cả thửa này  
không có nhà ở)  
+ phía Đông giáp thửa 257, 176 có nhà ở của  
ông Nguyễn Hùng Phước và bà Nguyễn Văn Thanh.  
+ phía Tây giáp thửa Trừ thửa Tây Đại Thôn Hòa Hảo  
(không có nhà ở).  
Diện tích xây dựng chuồng trại  
Đề kiến nghị mã đất 300 con





**Ý kiến các thành viên:**

Qua khảo sát vị trí, địa điểm xây dựng trong trại chăn nuôi heo của Ông Nguyễn Thanh Đức tại thôn Cầu Mới xã Hoàng Cầu theo quy định QCVN 01-04:2010/BNN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trại nuôi heo nhỏ và lớn, an toàn sinh học (khuang cách từ trại heo đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thờ tự, khu vực tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tại thiềm 100m, các nhà máy chế biến, giết mổ lợn, chỗ buôn bán lợn thịt (khu) đồng thời đạt yêu cầu về (khuang cách theo quy định tại TCVN 9121:2012 Trại chăn nuôi gia súc lớn yêu cầu chung của bộ nông nghiệp và PTNT (khuang cách từ trại heo đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thờ tự, khu vực tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tại thiềm 100m, các nhà máy chế biến, giết mổ gia súc, chỗ buôn bán gia súc lợn thịt 50m)

Ý kiến Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện đề nghị hồ xây dựng chương trại và chăn nuôi phải đảm bảo xử lý chất thải đúng hạn về môi trường không gây ô nhiễm cho các hộ xung quanh

Ý kiến UBND xã thông nhất về vị trí, địa điểm chăn nuôi để nuôi heo theo quy định. Thông nhất quy mô nuôi không quá 500 con.

Ý kiến của hộ: Nếu thức ăn hết về môi trường đề nghị cấp xan để chế biến hộ nuôi nhỏ quy mô dưới 300 con do diện tích khu chăn nuôi còn rộng.




**Kết luận:**


Về thi địa điểm chăn nuôi của hộ dân  
báo theo quy chuẩn định QCVN 01 và TCVN  
9121:2012.  
Thống nhất quy mô nuôi đực 300 con (ba  
trăm con)  
Đề nghị hộ xây dựng chuồng trại và xử lý  
phát thải theo quy định.  
Đề nghị hộ hoàn chỉnh các thủ tục trước khi  
xây dựng và đưa vào chăn nuôi.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày và có đọc qua cho tất cả  
cùng nghe và cùng thống nhất ký tên.


**Ghi biên bản**

  
Lê Trường Cường


**Đại diện chủ hộ chăn nuôi**

  
Nguyễn Thành Mi


**UBND xã Phước hảo**

  
Nguyễn Quốc Huy

**ĐD Phòng Nông nghiệp và PTNT**

  
Huỳnh Thiên Ái

**Các thành viên**

  
Võ Văn Hân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Tham vấn các hộ dân xung quanh khu vực dự án**

Tên dự án: Dự án "Trang Trại heo Thành Tâm"

Thời tham vấn: ngày 18...tháng 5...năm 2020

Địa điểm tham vấn: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

**1. Thành phần tham dự:**

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Phước Hảo

- Ông/bà Nguyễn Thành An.....; Chức vụ: Công chức địa chính
- Ông/bà Nguyễn Minh Triều.....; Chức vụ: TB ND ấp Hòa Hảo

1.2. Đại diện Trang trại heo Thành Tâm

- Ông/bà Nguyễn Thành Dự.....; Chức vụ: chủ dự án.....
- Ông/bà.....; Chức vụ: .....

1.3. Đơn vị tư vấn lập kế hoạch: Cty TNHH Long Vinh Việt Nam.

- Ông/bà Kim Thành.....; Chức vụ: P. Giám đốc.....
- Ông/bà.....; Chức vụ: .....

**2. Nội dung tham vấn**

- Dự án Trang trại heo Thành Tâm hoạt động với qui mô dưới 300 heo thịt cung cấp cho thị trường

- Địa điểm thực hiện dự án tại: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Nguồn thải và biện pháp bảo vệ môi trường được đề xuất

STT	Chất thải phát sinh	Biện pháp bảo vệ môi trường
1.	chất thải rắn sinh hoạt	Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được dự án thu gom và bán cho Cơ sở thu mua phế liệu.....



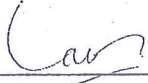
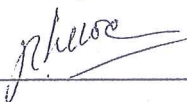


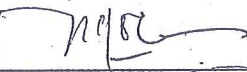
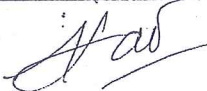

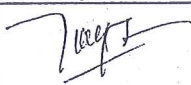

2	Chất thải rắn nguy hại.	<p>chủ dự án bố trí khi việc chưa CTNH theo quy định của TT 36/2015/TT-BTNMT ngày 20/6/2015. Định kỳ, thuê đơn vị đủ chức năng, trung tâm và xử lý.</p>
3	Nước thải Sinh hoạt.	<p>Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn.</p>
4.	Nước thải chôn nuôi.	<p>Nước thải này được thu gom và xử lý bằng hầm ủ Biogas, kết hợp aoเลี้ยง sinh học, nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-III: 2016/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải chôn nuôi nước khi thải ra kênh nuôi trồng.</p>
5.	Nước mưa chảy tràn.	<p>Nước mưa chảy tràn không chứa các thành phần nguy hại nên được cho tự nhiên xuống đất và chảy tràn ra khu vực xung quanh.</p>
6.	Khí thải.	<p>Nhiên liệu chế phát sinh khí thải, dự án sẽ thực hiện các biện pháp như: vệ sinh chuồng trại, XD vườn rào xung quanh, tưới nước làm ẩm mặt đất, vớt cây các phiến để tất máy khí đến làm việc tại dự án.</p>





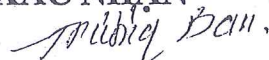


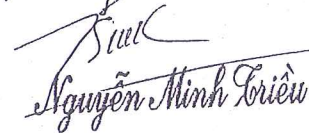
**DANH SÁCH**  
**NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**  
**DỰ ÁN TRANG TRẠI NUÔI HEO THÀNH TÂM**

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC VỤ	KÝ TÊN
1	Nguyễn Văn Lâm	Hoa Hảo	Hộ dân	
2	Lê Văn Phước	Hoa Hảo	Hộ dân	
3	Trần Văn Đông	Hoa Hảo	Hộ dân	
4	Nguyễn Tấn Đức	Hoa Hảo	Hộ dân	Đức
5	Lê Văn Khánh	Hoa Hảo	Hộ dân	
6	Nguyễn Hùng Anh	Hoa Hảo	Hộ dân	Anh
7	Trương Công Ngọc	Hoa Hảo	Hộ dân	
8	Nguyễn Thanh Hải	Hoa Hảo	Hộ dân	
9	Nguyễn Kim Hoa	Hoa Hảo	Hộ dân	
10	Nguyễn Văn Trung	Hoa Hảo	Hộ dân	
11	Nguyễn Minh Triều	Hoa Hảo	Hộ dân	
12				
13				
14				
15				
16				

Hóa Hảo....., ngày 18 tháng 05 năm 2020

**XÁC NHẬN**



  
 Nguyễn Minh Triều





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5768/4-3	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	01/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Sau xử lý  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.072402  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 24/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 25/07/2023 – 31/07/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B Kq=0,9; Kf=1,3
1	pH	--	TCVN 6492:2011 <sup>(*)</sup>	6,71	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(*)</sup>	88	117
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 <sup>(*)</sup>	210	351
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(*)</sup>	95	175,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 <sup>(*)</sup>	45,2	175,5
6	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 <sup>(*)</sup>	3.400	5.000

Ghi chú/ *Note*:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*  
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



Giám đốc  
*Director*

**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com





Số/No: 23.08.5768/4-4	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	01/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Kênh nội đồng (Nguồn tiếp nhận nước thải)  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước mặt  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NM.072401  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 24/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 25/07/2023 – 31/07/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011 <sup>(*)</sup>	7,25	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(*)</sup>	41	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(*)</sup>	13	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 <sup>(*)</sup>	27	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(*)</sup>	0,68	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	TCVN 6180:1996 <sup>(*)</sup>	2,32	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(*)</sup>	0,19	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 <sup>(*)</sup>	2.100	7.500

Ghi chú/ *Note*:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*  
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Dương Hoàng Thành**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
- Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ *This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận ✦  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội ✦  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com  
 Ⓜ http://duonghuynhenv.vn





Số/No: 23.08.5768/4-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	01/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**  
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân gần nhất**  
 Địa chỉ/ Address : **Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**  
 Loại mẫu/ Type of sample : **Tiếng ồn & không khí xung quanh**  
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **KX.072402**  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: **24/07/2023**  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **25/07/2023 – 31/07/2023**  
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường**  
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	55,9	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,10	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=0,006)	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,02	-	-	0,2

Ghi chú/ Note:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Giám đốc**  
*Director*

**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5768/4-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	01/08/2023 Trang/Page:1/1
-----------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực chuồng trại (Cách 50m theo hướng gió chính)  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn & không khí xung quanh  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.072401  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 24/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 25/07/2023 – 31/07/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTMNT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	63,5	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,17	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	0,02	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,08	-	-	0,2

Ghi chú/ Note:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Giám đốc**  
*Director*

**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5857/4-3	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/08/2023 Trang/Page:1/1
-----------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Sau xử lý  
 Địa chỉ/ Address : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải  
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.072702  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 27/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 28/07/2023 – 03/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

**Kết quả thử nghiệm/ Testing results**

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B Kq=0,9; Kf=1,3
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,40	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	97	117
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	252	351
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	116	175,5
5	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	53,1	175,5
6	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	4.000	5.000

Ghi chú/ Note:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
The officer is in charge of the laboratory

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**

**Giám đốc**  
Director

**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✉ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✉ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✉ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn





Số/No: 23.08.5857/4-4	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Kênh nội đồng (Nguồn tiếp nhận nước thải)  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước mặt  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NM.072701  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 27/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 28/07/2023 – 03/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,93	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	47	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	14	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	28	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,81	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	2,75	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,26	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.700	7.500

Ghi chú/ *Note*:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*

KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ *This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✆ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
☎ 0949 825 262  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✆ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✆ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 <http://duonghuynhenv.vn>





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5857/4-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM**  
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân gần nhất**  
 Địa chỉ/ Address : **Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**  
 Loại mẫu/ Type of sample : **Tiếng ồn & không khí xung quanh**  
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **KX.072702**  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: **27/07/2023**  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **28/07/2023 – 03/08/2023**  
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường**  
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTMNT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	58,0	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,13	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=0,006)	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,04	-	-	0,2

Ghi chú/ Note:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦  
☎ 0949 825 262  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận ✦  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội ✦  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5857/4-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực chuồng trại (Cách 50m theo hướng gió chính)  
 Địa chỉ/ Address : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh  
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.072701  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 27/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 28/07/2023 – 03/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTMNT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	67,0	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,21	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	0,03	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,12	-	-	0,2

Ghi chú/ Note:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦  
☎ 0949 825 262  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com  
🌐 http://duonghuynhenv.vn





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5931/4-3	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	08/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Sau xử lý  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.073102  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 31/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/08/2023 – 07/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

**Kết quả thử nghiệm/ *Testing results*** :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B Kq=0,9; Kf=1,3
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,58	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	70	117
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	183	351
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	79	175,5
5	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	41,6	175,5
6	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	3.100	5.000

Ghi chú/ *Note*:

(\*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*  
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**

**Giám đốc**  
*Director*  
  
**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn





Số/No: 23.08.5931/4-4	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	08/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Kênh nội đồng (Nguồn tiếp nhận nước thải)  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước mặt  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NM.073101  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 31/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/08/2023 – 07/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,16	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	34	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	11	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	23	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,60	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	2,58	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,22	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.400	7.500

Ghi chú/ *Note*:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*  
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ *This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5931/4-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	08/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Hộ dân gần nhất  
 Địa chỉ/ *Address* : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn & không khí xung quanh  
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.073102  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 31/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 01/08/2023 – 07/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTMNT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	54,1	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,08	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=0,006)	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,03	-	-	0,2

Ghi chú/ *Note*:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*  
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
*The officer is in charge of the laboratory*

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**



**Dương Hoàng Thành**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
- Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ *This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.08.5931/4-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	08/08/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRANG TRẠI HEO THÀNH TÂM  
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực chuồng trại (Cách 50m theo hướng gió chính)  
 Địa chỉ/ Address : Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh  
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.073101  
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 31/07/2023  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 01/08/2023 – 07/08/2023  
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường  
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTMNT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	65,3	≤70	-	-
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	0,18	-	0,3	-
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	MASA Method 701(*)	0,02	-	-	0,042
4	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	0,10	-	-	0,2

Ghi chú/ Note:

(\*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc  
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

☎ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

☎ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

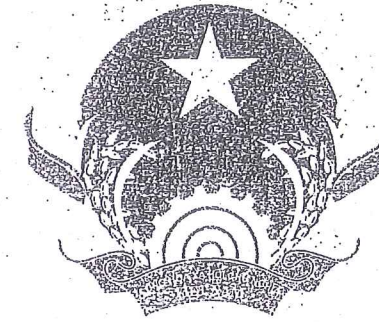
☎ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Bà: NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM**

Năm sinh: 1978, CMND số: 334024441

Địa chỉ thường trú: 162B, Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 44.03. Quyển...03...SCT/BS

Ngày 14 tháng 5 năm 2019.

TM. UBND PHƯỜNG 4



CHỦ TỊCH  
*Nguyễn Thị Thùy Anh*

**CQ 649057**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 4 0 4 1 9 0 4 8 9 3 7



**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 786, tờ bản đồ số: 48
- b) Địa chỉ: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 8820m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Tám nghìn tám trăm hai mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
- e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2065
- g) Nguồn gốc sử dụng: Được tặng cho đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

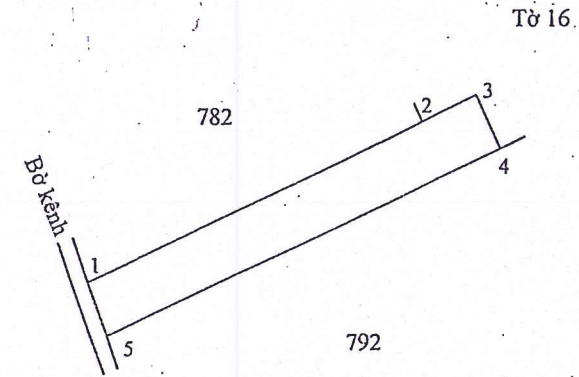
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

**III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	222,94
2 - 3	35,68
3 - 4	34,45
4 - 5	261,73
5 - 1	33,88

Trà Vinh, ngày 07 tháng 5 năm 2019  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH**  
**TUQ.GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

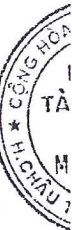


*Châu Thành Nền*

Số vào sổ cấp GCN: CS05243

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

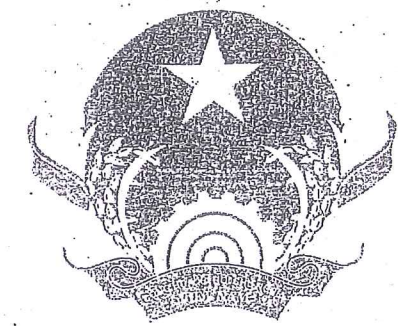
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền





Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Bà: NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM**  
 Năm sinh: 1978, CMND số: 334024441  
 Địa chỉ thường trú: 162B, Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

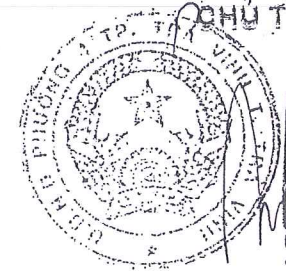
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1405...Quyển...05...SCT/BS

Ngày...14...tháng...5...năm...2019

TM. UBND PHƯỜNG 4

CHỦ TỊCH



*Nguyễn Thị Hải Anh*

CQ 673578

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 4 0 4 1 9 0 0 1 7 1 6

H.C.N  
HỒNG  
GUYỄN  
VÀ  
TRƯỜNG  
H. T



**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 792, tờ bản đồ số: 48
- b) Địa chỉ: ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 5072m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Năm nghìn không trăm bảy mươi hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
- e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2065
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

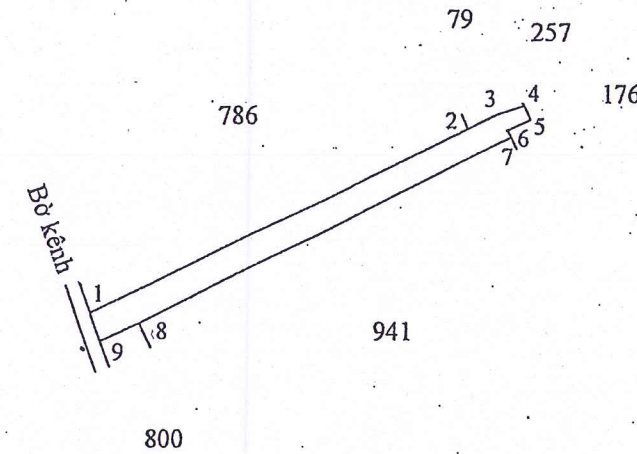
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Cạnh	Chiều dài (m)
1- 2	261,73
2- 3	20,71
3- 4	16,61
4- 5	9,21
5- 6	15,54
6- 7	4,74
7- 8	258,78
8- 9	26,21
9- 1	18,40

Trà Vinh, ngày 30 tháng 01 năm 2019  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH**

**KT. GIÁM ĐỐC  
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Trương Văn Hòa*

Số vào sổ cấp GCN: CS05081

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền